

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ADA VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ADA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ADA VIET NAM INVESTMENT TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108457271

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 863 đường Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) | 4773     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                  | 4932     |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4933     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                               | 8299     |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                          | 5621     |
| 6.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                    | 1410     |
| 7.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                    | 1512     |
| 8.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                       | 4753     |
| 9.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                  | 4771     |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                               | 4931     |
| 11. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                              | 5629     |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                              | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác</p> <p>Bán buôn dụng cụ y tế</p> <p>Bán buôn thuốc</p> <p>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</p> <p>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh</p> <p>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</p> <p>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</p> <p>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</p> <p>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao</p> | 4649(Chính) |
| 14. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4669        |
| 15. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ loại Nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4690        |
| 16. | <p>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</p> <p>(Trừ hoạt động đầu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719        |
| 17. | <p>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4759        |
| 18. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510        |
| 19. | <p>Dịch vụ phục vụ đồ uống</p> <p>(Không bao gồm kinh doanh quán bar)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630        |
| 20. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230        |
| 21. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1520        |
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210        |
| 23. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5225        |
| 25. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>(Trừ vận tải hàng không)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229        |

|     |                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)         | 5610 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy hàng hóa thời trang khác. | 7410 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý hàng hóa                                                               | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TRUNG KIÊN | Số 1 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | 2.500.000.000         | 50,000    | 013098415                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN TOÀN TRUNG | Số 1 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam             | 2.500.000.000         | 50,000    | 001089018523                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TOÀN TRUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/10/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001089018523*

Ngày cấp: *10/10/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội